

Bản án số: 35/2024/HNGĐ - PT

Ngày: 23 – 9 – 2024

“Về việc ly hôn, nuôi con, đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Phương Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2024/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con, đòi tài sản” do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3302/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 3601/2024/HNGĐ-QĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1994; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 323/1 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện tại: ấp E, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000 và Anh Ngô Nhật T1, sinh năm 1995; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M: Luật sư Nguyễn Thị M1 – Công ty L; (Có mặt).

Địa chỉ: A đường số C, khu dân cư S, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1995; (Có mặt).

Địa chỉ: 3 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Quốc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2023; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 23/10/2023 và ngày 24/5/2024; bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị M và đại diện theo ủy quyền của chị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc V tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/9/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 01 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường hay cãi nhau và đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/4/2018. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23/10/2023, chị M sửa đổi bổ sung đơn kiện yêu cầu anh V trả cho chị 01 cây vàng 18k (là 01 sợi dây chuyền trị giá 30.000.000 đồng) do anh V đã bán để tiêu xài cá nhân.

Ngày 24/05/2024, chị M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị M rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc anh V trả cho chị 01 cây vàng 18k.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của chị M về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh và chị M có mâu thuẫn là do chị M thường xuyên nhắn tin cho người đàn ông khác, không cho anh có niềm tin giữa vợ chồng nên anh và chị M mới bất hòa. Từ khi kết hôn và sinh con, anh và chị M sống chung với gia đình anh, con anh từ nhỏ cũng sống cùng anh và bà nội, vì mâu thuẫn với mẹ anh nên chị M tự ý mang con đi, chị M yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý vì anh nhận thấy không thể chung sống với chị M được nữa. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho anh khi ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị M mang con chung về nhà mẹ ruột sinh sống, chị M nhiều lần ngăn cản không cho anh rước con về thăm nội. Anh có nộp cho Tòa án đơn xác nhận do T2 áp Nguyễn Văn H1 ký xác nhận đề ngày 23/10/2023. Theo anh, chị M không tham gia phiên tòa do bận công việc thì làm sao có thời gian chăm sóc con. Nếu trường hợp Tòa án giao con chung tên Nguyễn Quốc H cho chị M nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Ghi nhận chị M và anh V không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị M tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/04/2018. Ghi nhận anh Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H sinh ngày 11/04/2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, cha, mẹ có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Phạm Thị M về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc V trả lại cho chị M 01 cây vàng 18k.

4. Về tài sản chung: chị M và anh V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Nợ chung: chị M và anh V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, bị đơn anh Nguyễn Quốc V kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng: giao cho anh V được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Quốc V giữ nguyên kháng cáo; Nguyên đơn chị Phạm Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản ý kiến không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Từ trước đến nay chị M nuôi con ăn học tốt; Chị M luôn cho con vui chơi, tham gia các hoạt động giải trí, điều kiện nuôi con đảm bảo; Chị M luôn tạo điều kiện cho anh V được thăm nom cháu H, thông qua các tin nhắn điện thoại và tin nhắn zalo gửi cho anh V nhưng anh V cho rằng anh không nhận được tin nhắn là không hợp lý. Về khoảng cách địa lý để thăm nom con không phải là quá xa. Anh V cho rằng anh có đủ điều kiện nuôi con hơn chị M là không hợp lý. Xác nhận của Công ty T3 về thu nhập của anh V chưa có tính xác thực nên việc anh V cho rằng anh có thu nhập nhiều hơn chị M là chưa phù hợp. Xác nhận của ông Nguyễn Văn H1 cũng không thể hiện nội dung ông có chứng kiến việc chị M ngăn cản anh V thăm con vào ngày 02/9/2023. Vì vậy, kháng cáo của anh V là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo của anh V; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc V không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc V; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình

sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của anh Nguyễn Quốc V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc V kháng cáo và gửi thù tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thù tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Quốc V về phần con chung: Anh Nguyễn Quốc V và Chị Phạm Thị M có 01 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 11/04/2018. Khi ly hôn chị M và anh V đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cả hai anh chị đều có chứng minh thu nhập đảm bảo nuôi con. Tuy nhiên từ khi ly thân, chị M về gia đình mẹ ruột sinh sống, cháu H sống cùng chị M, được chị chăm sóc tốt, đảm bảo sự phát triển ổn định về vật chất và tinh thần. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh V cho rằng chị M có hành vi ngăn cản không cho anh được gặp con, chứng cứ chứng minh là đơn xin xác nhận ngày 23/10/2023 đã được T2 áp Nguyễn Văn H1 xác nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn cung cấp tờ tường trình do ông H1 ký có nội dung ông H1 khẳng định hoàn toàn không có chứng kiến sự việc ngày 02/09/2023 mà ông V đã trình bày trong đơn về việc chị M ngăn cản anh thăm con.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh V cho rằng khi chị M về nhà cha mẹ ruột của chị M sinh sống từ ngày 23/7/2023 có dẫn theo cháu H. Khi anh đến thăm cháu H nhiều lần nhưng chị M không cho nên anh có đến báo với T2 áp về việc anh không thăm được con; Hiện nay anh có việc làm, thu nhập ổn định, gia đình có điều kiện hỗ trợ anh trong việc chăm sóc cháu H. Anh cho rằng anh đang làm cho công ty T3, nhà anh và trường học của cháu H gần hơn, anh làm giờ hành chính, thời gian anh chăm sóc cháu H thuận tiện hơn và thu nhập thực tế của anh là 10.000.000 đồng/tháng nên điều kiện chăm sóc cháu H sẽ thuận lợi hơn, anh không có làm đêm, không tăng ca làm việc nên anh yêu cầu được quyền nuôi con. Mặc khác, anh cho rằng chị M đi làm tại khu công nghiệp G nên việc chăm sóc và đưa rước cháu H đi học khó khăn, khi tăng ca thì chị M làm việc tại công ty đến 19 giờ 30 phút mới về. Tuy nhiên, anh V không có chứng cứ để chứng minh việc chị M không đủ điều kiện nuôi con cũng không chứng minh được việc chị M ngăn cản anh thăm nom con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V thừa nhận thời gian chị M đưa

cháu H về nhà mẹ của chị M sinh sống thì chị M nuôi dạy cháu H học tốt. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để tránh làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu H nên để cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, kháng cáo của anh V yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con là không có cơ sở để chấp nhận.

Mặc dù chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử giao cho chị M được quyền nuôi con là có căn cứ. Anh V kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc V; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2024/HNGD-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Quốc V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quốc V;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2024/HNGD-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V. Ghi nhận chị M và anh V không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị M tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H sinh ngày 11/04/2018. Ghi nhận anh Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H sinh ngày 11/04/2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, cha, mẹ có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

3.1. Chị Phạm Thị M phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3.2. Anh Nguyễn Quốc V phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị Phạm Thị M số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000914 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Quốc V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000636 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh V đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông

Lê Minh Đạt

Phạm Văn Ngọt

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt